TRẦN THANH BÌNH (Chủ biên) – MAI KHẮC HÙNG
TRẦN MINH HƯỜNG – HÀ THỊ THANH NGA
LÂM HỒNG LÂM THUÝ – LÊ PHƯƠNG TRÍ



Vở bài tập ĐẠO ĐỨC







NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

TRẦN THANH BÌNH (Chủ biên) – MAI KHẮC HÙNG
TRẦN MINH HƯỜNG – HÀ THỊ THANH NGA – LÂM HỒNG LÃM THUÝ – LÊ PHƯƠNG TRÍ

Vở bài tập ĐẠO ĐỨC 1



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Biên tập nội dung: VŨ TRỌNG THANH - PHAN THỊ BÍCH VÂN
Thiết kế sách: BÙI THỊ NGỌC LAN
Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG
Minh hoạ: NGỌC HÀ - THANH BÌNH - HOÀNG LINH
Sửa bản in: VŨ TRỌNG THANH - PHAN THỊ BÍCH VÂN
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP ĐẠO ĐỨC 1
Mã số: G2BH1G001M20
In .... bản, (QĐ ....) khổ 17 x 24 cm.
Đơn vị in: .... địa chỉ ....
Cơ sở in: .... địa chỉ ....
Số ĐKXB: 07-2020/CXBIPH/1-1783GD
Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...
In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...
Mã số ISBN: 978-604-0-19590-6

LỜI NÓI ĐẦU

Vở bài tập Đạo đức 1 là tài liệu bổ trợ cho sách giáo khoa *Đạo đức 1* nhằm giúp học sinh luyện tập, củng cố, mở rộng thêm kiến thức trong giờ học.

Để phát triển những trải nghiệm cá nhân cần thiết nhưng nhẹ nhàng, gần gũi, sinh động, không nặng nề về kiến thức, *Vở bài tập Đạo đức 1* chủ yếu gồm các dạng bài tập: xem hình để lựa chọn các phương án đúng/sai, nên/không nên, đồng tình/không đồng tình; giải các bài tập nối chữ – hình, điền khuyết, trắc nghiệm; xử lí tình huống,...

Nội dung các bài tập trong *Vở bài tập Đạo đức 1* được thiết kế bám sát những mức độ yêu cầu cần đạt của chương trình dạy học Đạo đức lớp 1; chú trọng tăng cường khả năng nhận diện, khám phá và thực hành qua những nhiệm vụ gắn với thực tiễn đời sống, phù hợp với lứa tuổi và đặc điểm tâm lí, thể chất học sinh.

Hi vọng tài liệu này sẽ giúp việc dạy học môn Đạo đức đảm bảo được sự kết nối giữa giáo viên với phụ huynh, giữa kiến thức với quá trình hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và quý phụ huynh để *Vở bài tập Đạo đức 1* ngày càng hoàn thiện hơn.

MỤC LỤC

Trang

Lời nói đầu 3

Bài 1. Mái ấm gia đình 5
Bài 2. Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ 8
Bài 3. Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau 11
Bài 4. Tự giác làm việc ở trường 14
Bài 5. Tự giác làm việc ở nhà 17
Bài 6. Không nói dối và biết nhận lỗi 20
Bài 7. Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác 23
Bài 8. Trả lại của rơi 26
Bài 9. Sinh hoạt nền nếp 28
Bài 10. Cùng thực hiện nội quy trường, lớp 31
Bài 11. Tự chăm sóc bản thân 33
Bài 12. Phòng, tránh đuối nước 35
Bài 13. Phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt.................... 39
Bài 14. Phòng, tránh tai nạn giao thông 42

Chân trời sáng tạo

Bài 1

Mái ấm gia đình

1. Điền số vào chỗ trống:

Gia đình em có ... người.

2. Đánh dấu ✓ vào ô vuông (nếu có):

Gia đình em gồm:

Ông	☐	Bà	☐
Bố	☐	Mẹ	☐
Anh	☐	Chị	☐
Em trai	☐	Em gái	☐

3. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với ☹.









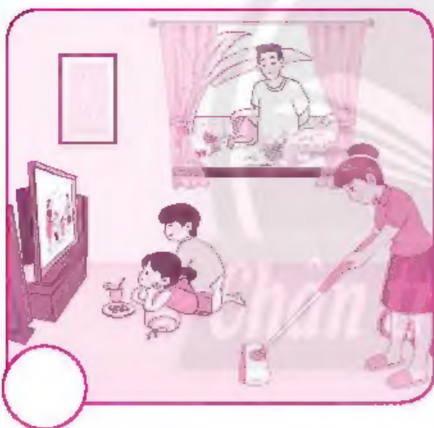








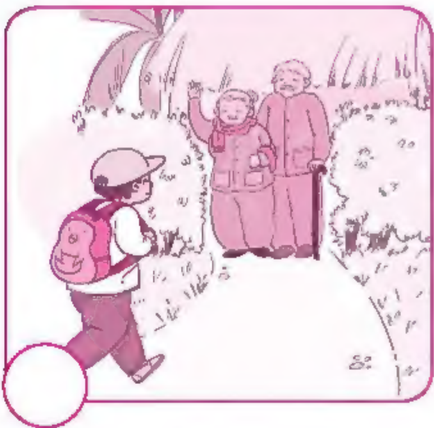
4. Vẽ (mặt cười) vào ô ◯ chỉ việc làm đúng; vẽ (mặt buồn) vào ô ◯ chỉ việc làm sai.











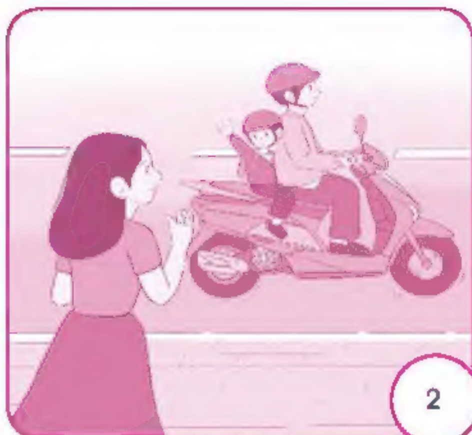






5. Kể chuyện theo tranh





6. Tô màu



Bài 2

Quan tâm, chăm sóc ông bà, cha mẹ

1. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với 🙁.





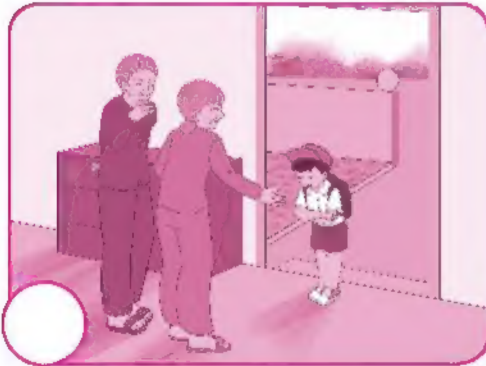
🙂 🙁

Chân trời sáng tạo





2. Vẽ 🙂 vào ô ◯ chỉ việc làm đúng; vẽ 🙁 vào ô ◯ chỉ việc làm sai.







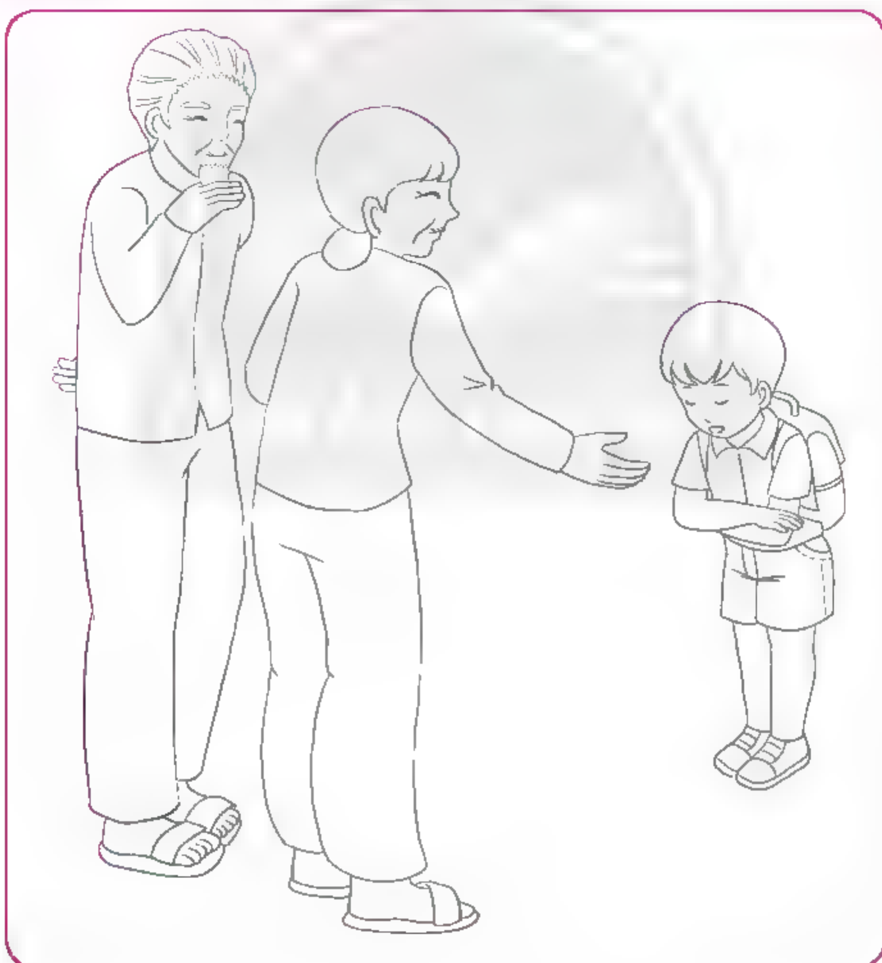


3. Kể chuyện theo tranh





4. Tô màu



Bài 3

Anh chị em quan tâm, giúp đỡ nhau

1. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ (nếu có):

Em có:

Anh ☐ Chị ☐

Em trai ☐ Em gái ☐

2. Điền số vào chỗ trống (nếu có):

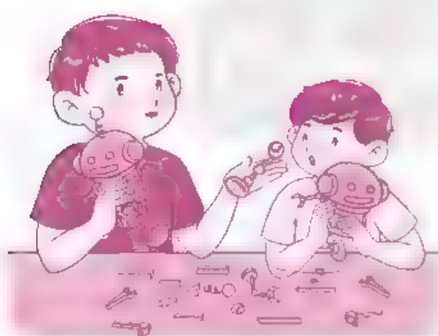
Em có ... anh trai.

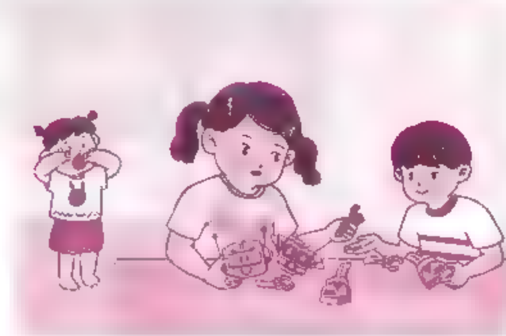
Em có ... chị gái.

Em có ... em trai.

Em có ... em gái.

3. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với 🙁.





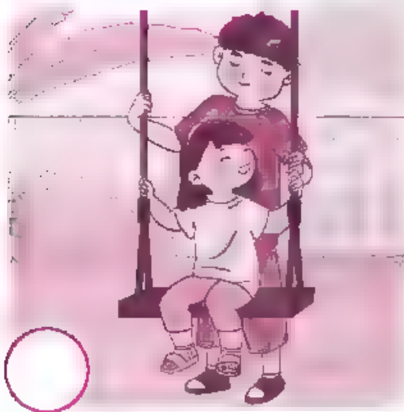


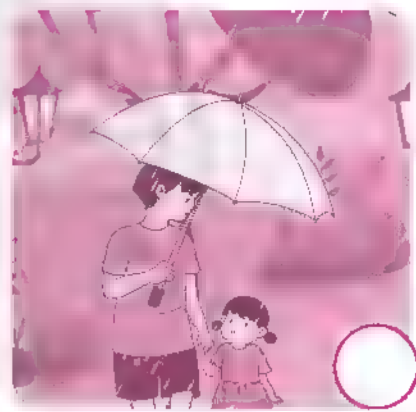
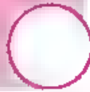




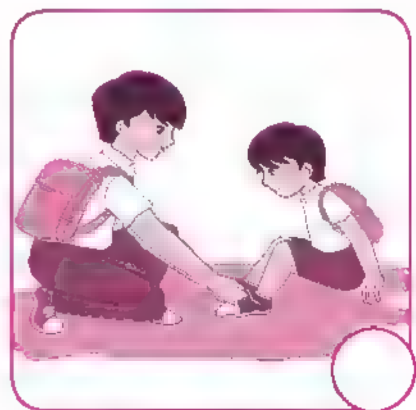

 

4. Vẽ vào ô chỉ việc nên làm; vẽ vào ô chỉ việc không nên làm.



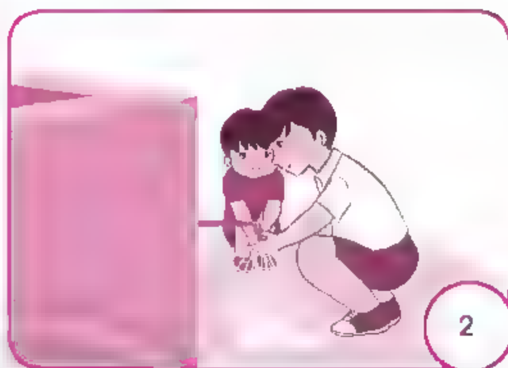








5. Kể chuyện theo tranh





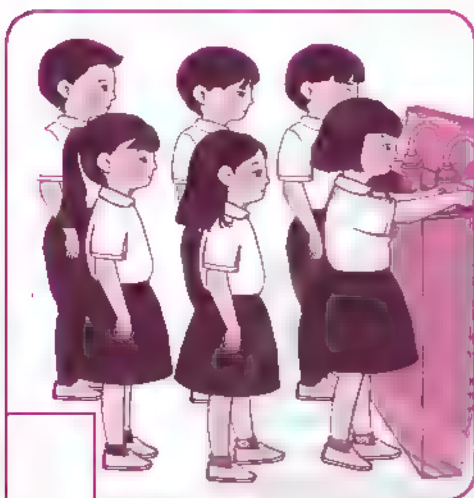
6. Tô màu



Bài 4

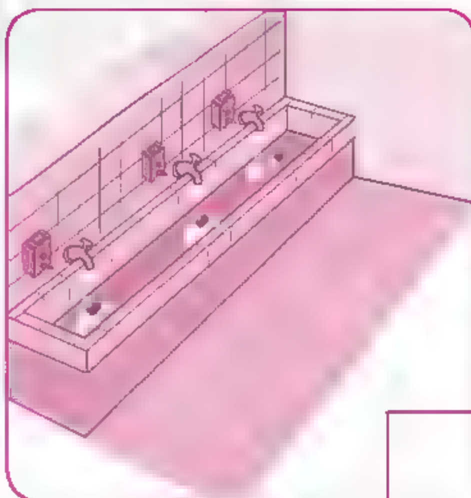
Tự giác làm việc ở trường

1. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ việc em đã tự giác làm khi ở trường.







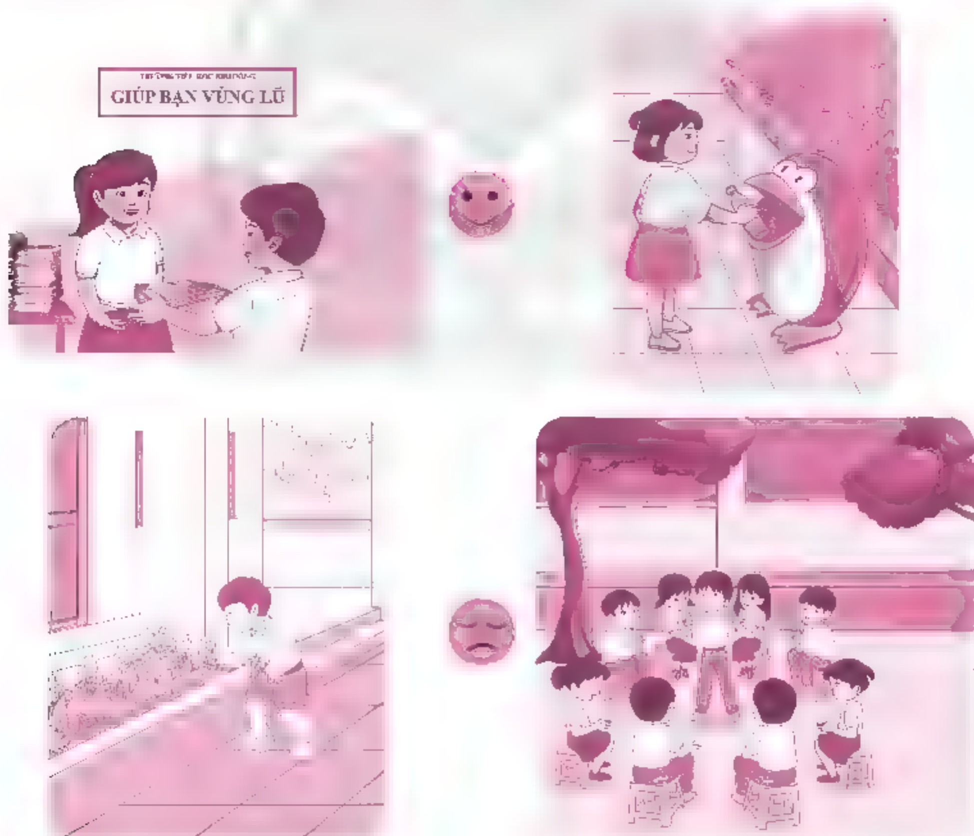


2. Ghi Đ chỉ việc làm đúng, ghi S chỉ việc làm sai vào ô trống:

Khi tự giác làm việc ở trường:

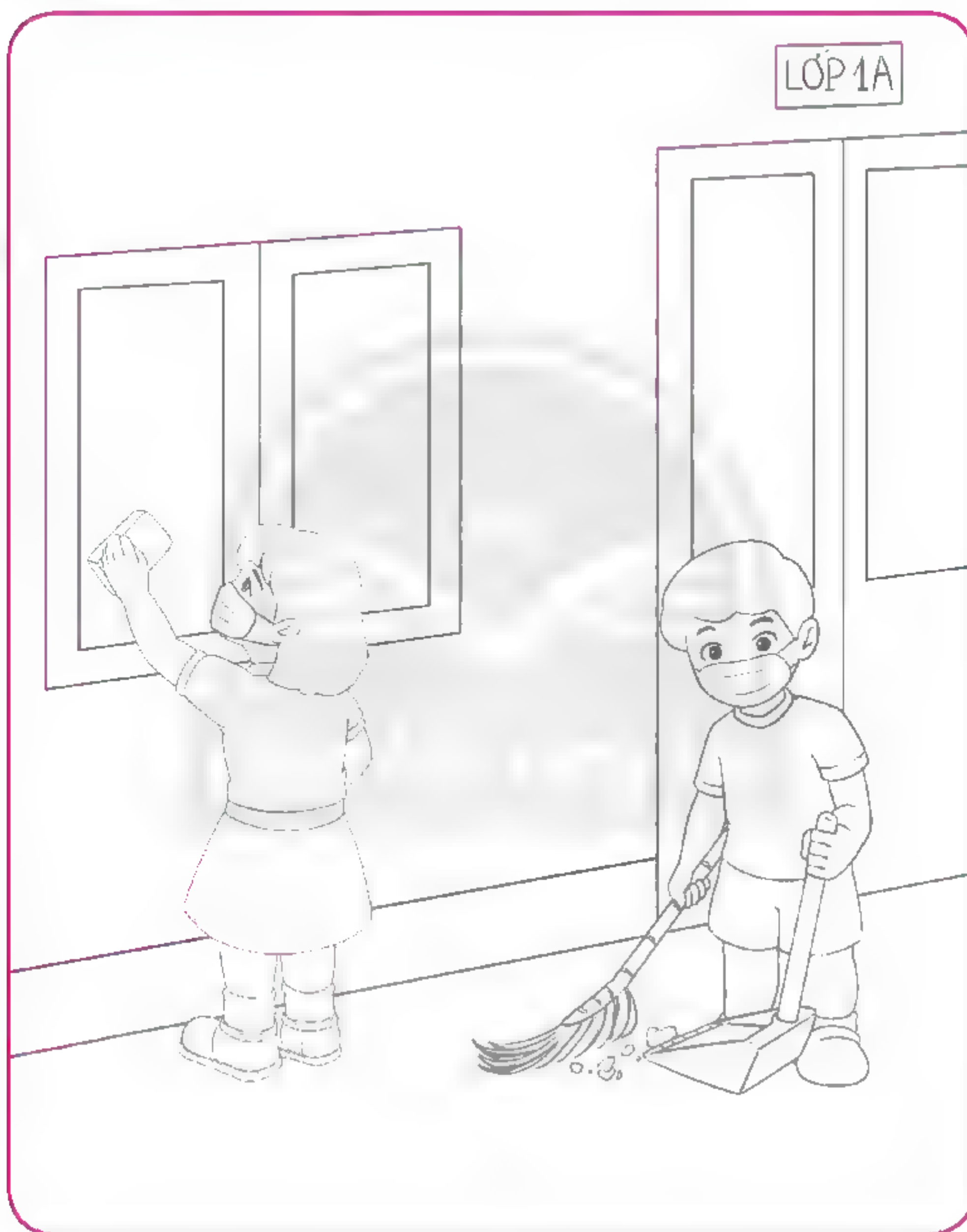
	em được thầy cô, bạn bè quý mến.
	em sẽ cảm thấy mệt mỏi.
	em được thực hành, rèn luyện kĩ năng.
	em không có đủ thời gian để chơi với các bạn.
	em thể hiện được trách nhiệm của mình với trường và lớp.
	em làm cho bố mẹ vui và tự hào về em.

3. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với 🙁.



4. Vẽ hoặc cắt dán một bức tranh về việc em đã tự giác làm ở trường.

5. Tô màu



Bài 5

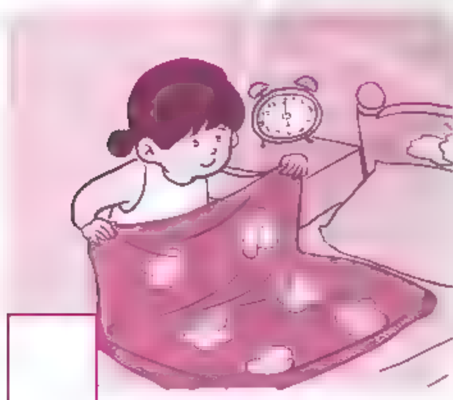
Tự giác làm việc ở nhà

1. Đánh dấu ✓ vào câu trả lời phù hợp:

Ở nhà, em làm việc của mình như thế nào?

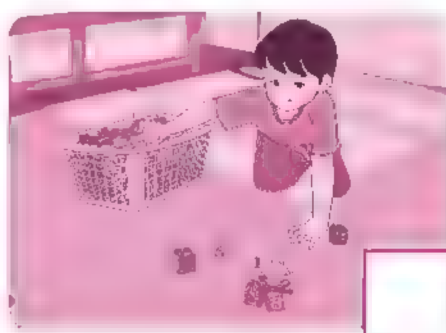
Tự làm việc của mình, không cần bố mẹ nhắc nhở.	☐
Chỉ làm khi có bố mẹ nhắc nhở.	☐
Chỉ làm khi em thích.	☐
Không bao giờ làm.	☐

2. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ những việc em đã tự giác làm được ở nhà.



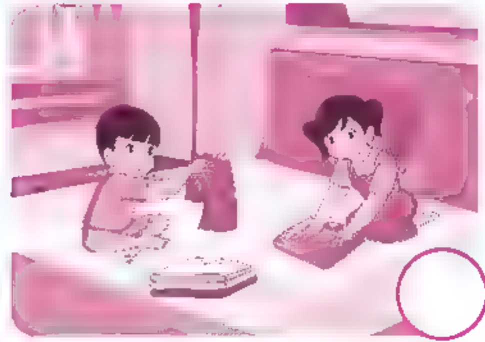




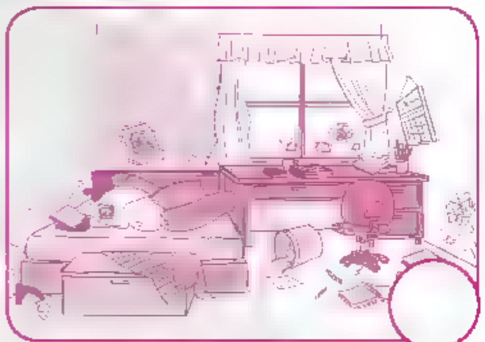


3. Vẽ 🙂 vào ô ◯ chỉ việc em đồng tình và ☹ vào ô ◯ chỉ việc em không đồng tình.

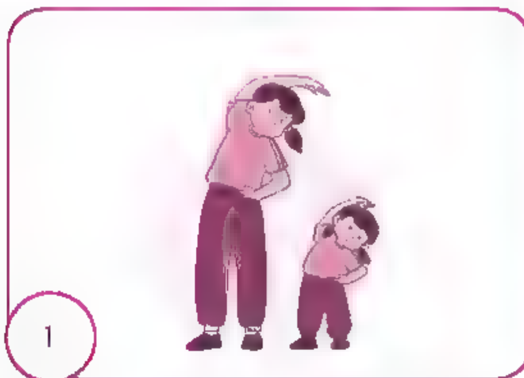




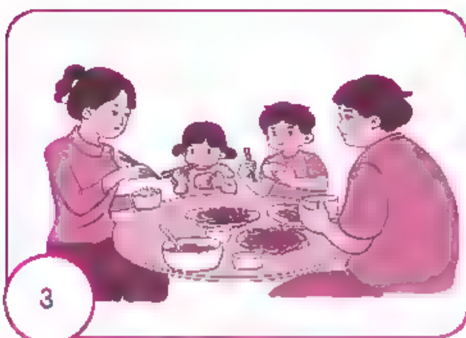




4. Kể chuyện theo tranh









5. Tô màu



Bài 6

Không nói dối và biết nhận lỗi

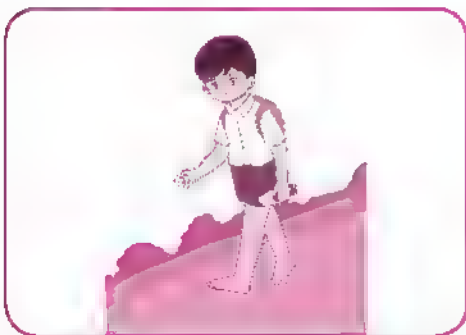
1. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ việc làm đúng.









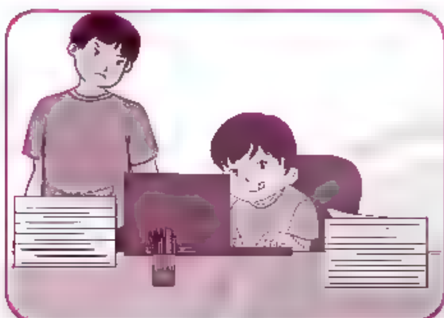




2. Nối hình phù hợp với lời xin lỗi



Con xin lỗi bố ạ!



Cháu xin lỗi bà ạ!

3. Vẽ 🙂 vào ô trống để chọn việc nên làm.

a.







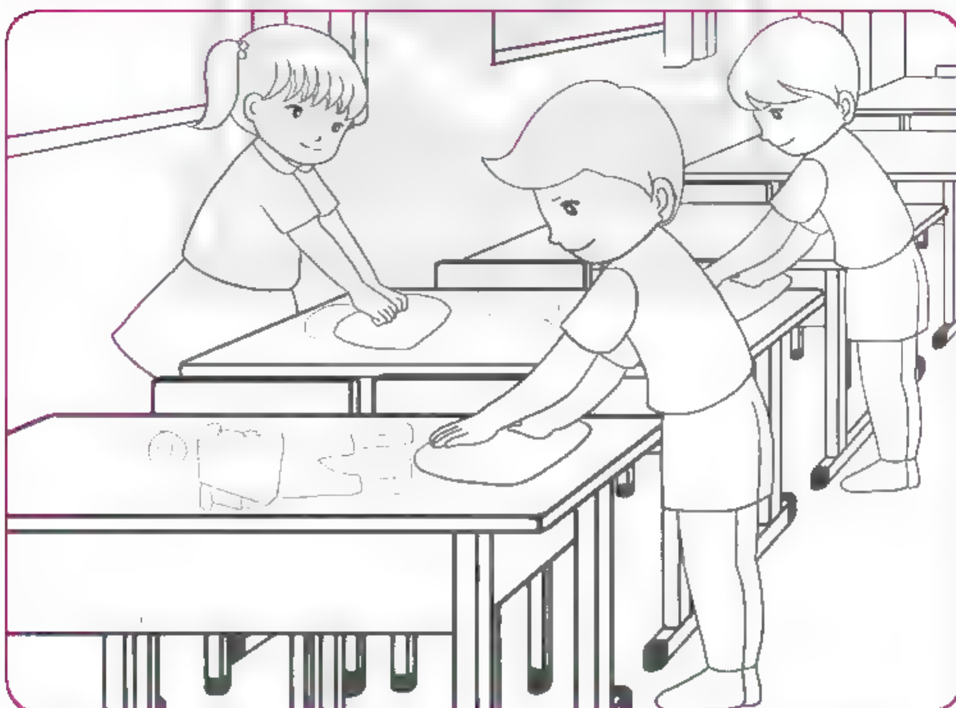
b.







4. Tô màu



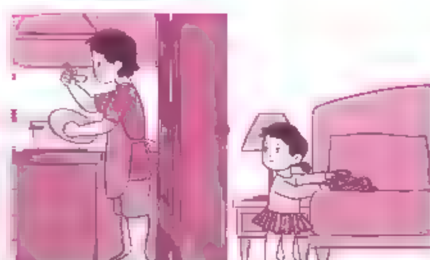
Bài 7

Không tự ý lấy và sử dụng đồ dùng của người khác

1. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với ☹.













2. Đánh dấu ✓ vào việc em sẽ thực hiện:

Em hỏi ý bạn khi mượn đồ dùng của bạn.	☐
Em giữ gìn cẩn thận khi dùng.	☐
Em làm mất và không trả lại.	☐
Em nói cảm ơn khi trả lại.	☐
Em dùng xong lại cho bạn khác mượn tiếp.	☐

3. Vẽ 🙂 vào ô ◯ chỉ việc nên làm; vẽ ☹ chỉ việc không nên làm:

◯	Bạn hỏi mượn em viên phấn khi viết bảng con.
◯	Em hỏi mượn chị con búp bê và cùng chơi.
◯	Bạn tự mở hộp kẹo trong siêu thị và ăn.
◯	Em cảm ơn bạn sau khi mượn đồ dùng của bạn.

4. Kể chuyện theo tranh





5. Tô màu



Bài 8

Trả lại của rơi

1. Đánh dấu ✓ vào ô chỉ người mà em cần gặp:

Tình huống	Bác bảo vệ	Người quản lí	Thầy, cô giáo	Người lớn đi cùng
1. Em nhặt được chiếc áo mưa ở sân trường khi tan học.				
2. Em nhặt được vé gửi xe trong siêu thị.				
3. Em thấy em bé bỏ quên túi đồ trong khu du lịch.				
4. Em nhặt được chiếc kính tại rạp chiếu phim.				

2. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ thể hiện điều em mong muốn khi trả lại của rơi cho người đánh mất:

☐ Để được nhận lời cảm ơn.

☐ Để mang lại niềm vui cho người đánh mất.

☐ Để bố mẹ thấy việc làm của em là có ích.

☐ Để được khen trước toàn trường.

☐ Để được bạn bè trong lớp quý mến.

☐ ...

3. Kể chuyện theo tranh



Nếu em là Bình, em sẽ nói gì sau lời cảm ơn?

....

....

4. Tô màu



Bài 9

Sinh hoạt nền nếp

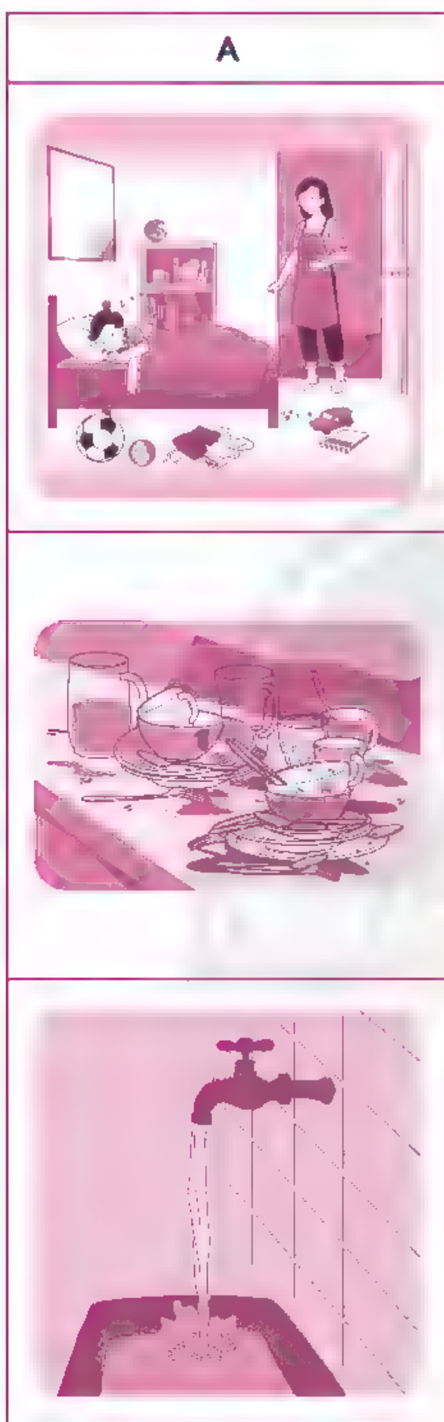
1. Vẽ (mặt cười) vào ô ◯ chỉ việc làm giúp em hình thành thói quen nền nếp:

◯	Giữ trật tự nơi công cộng.
◯	Rửa tay trước khi ăn và sau khi đi vệ sinh.
◯	Luôn đi trễ để không phải chờ đợi người khác.
◯	Đi thưa về trình.
◯	Ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ mọi lúc mọi nơi.
◯	Việc dọn dẹp nhà cửa đã có bố mẹ làm, em không cần làm gì cả.

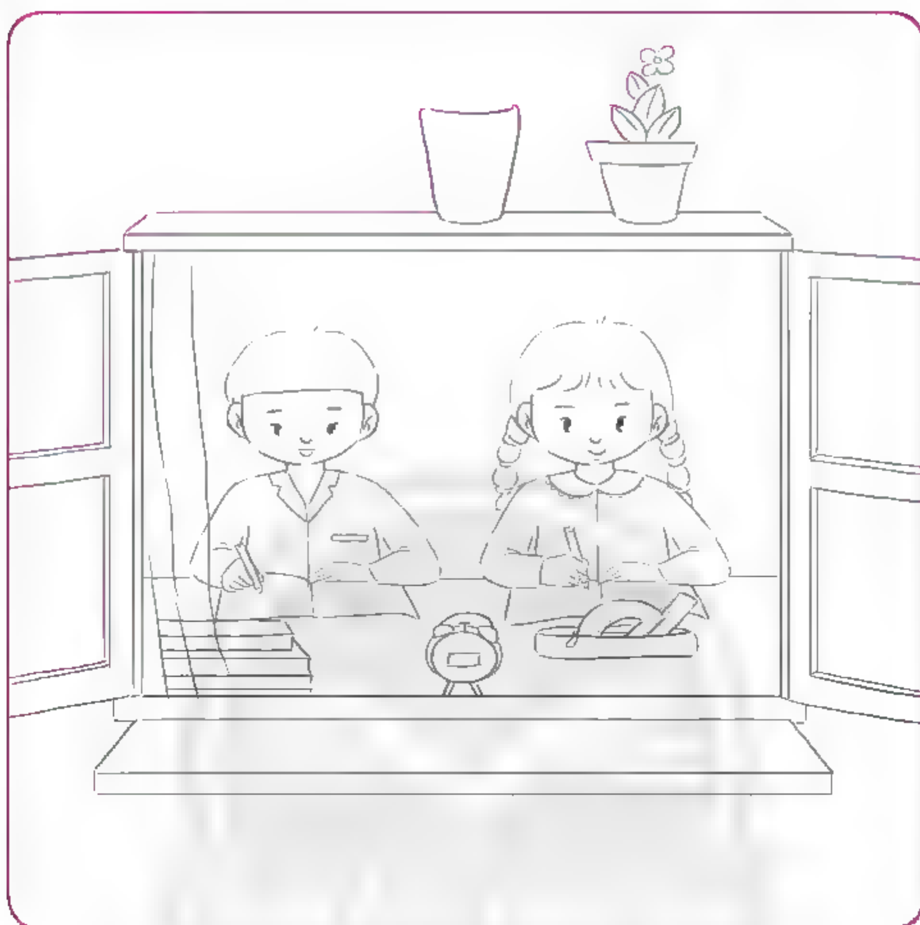
2. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ việc em tán thành:

Em luôn tắm gội sạch sẽ hằng ngày.	☐
Em không thích xếp hàng.	☐
Đọc sách ở thư viện xong, em luôn để lại đúng vị trí ban đầu.	☐
Trước khi ra về, em luôn dọn dẹp chỗ em ngồi học ở lớp cho sạch sẽ.	☐

3. Nối các hình ở cột A với các hình thích hợp ở cột B.

A	B
	

4. Tô màu



Bài 10

Cùng thực hiện nội quy trường, lớp

1. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ những điều có trong nội quy trường lớp:

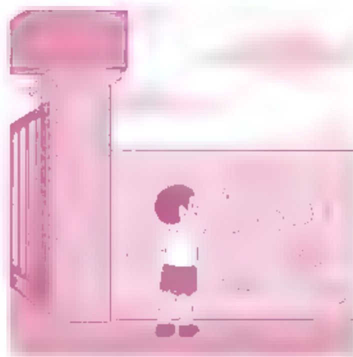
Lễ phép với thầy cô, người lớn	☐
Yêu quý, đoàn kết với bạn bè	☐
Đá bóng trong lớp	☐
Đi học đúng giờ	☐
Chú ý nghe giảng bài	☐
Bỏ rác đúng nơi quy định	☐

2. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với ☹.

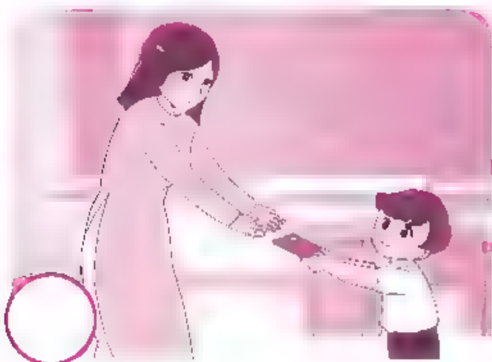




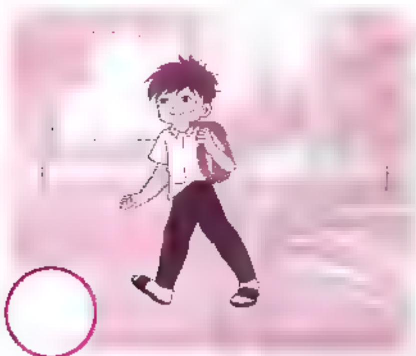




3. Vẽ 🙂 vào ô ◯ chỉ việc làm đúng, vẽ 🙁 vào ô ◯ chỉ việc làm sai.









4. Tô màu



Bài 11

Tự chăm sóc bản thân

1. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ những việc em đã làm:

☐ Đánh răng, rửa mặt, chải đầu mỗi buổi sáng.
☐ Đánh răng vào buổi tối trước khi đi ngủ.
☐ Rửa tay trước khi ăn.
☐ Rửa tay sau khi đi vệ sinh.
☐ Tham gia tập thể dục ở trường.
☐ Tắm ngay khi đi ngoài trời nắng về.
☐ Mặc quần áo phong phanh khi trời lạnh.

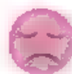
2. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với ☹.





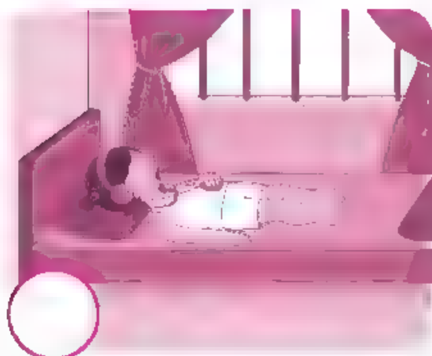


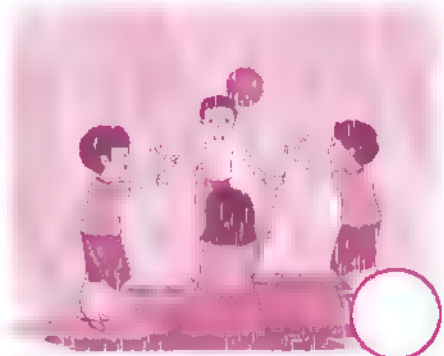






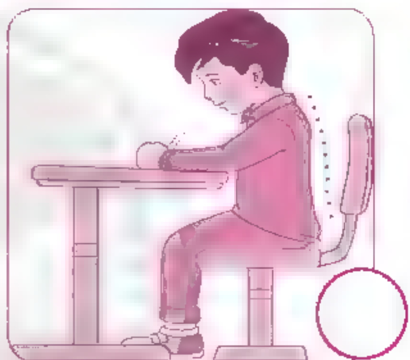
3. Vẽ (mặt cười) vào ô ◯ chỉ việc làm đúng; vẽ (mặt mếu) vào ô ◯ chỉ việc làm sai.










4. Tô màu



Bài 12

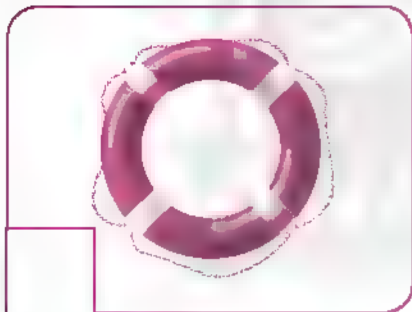
Phòng, tránh đuối nước

1. Đánh dấu ✓ vào ý đúng:

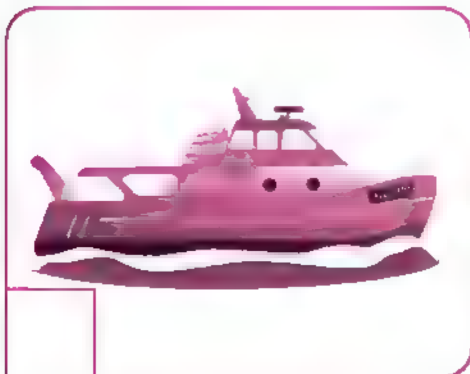
a. Những nơi dễ dẫn đến tai nạn đuối nước nhất:

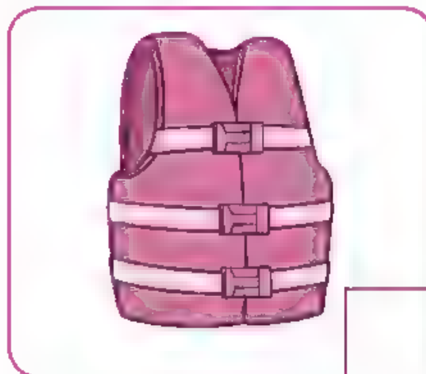
Sông, biển	☐
Ao, hồ sâu	☐
Khe, suối	☐
Bể bơi	☐
Hố nước lớn ở công trường xây dựng	☐

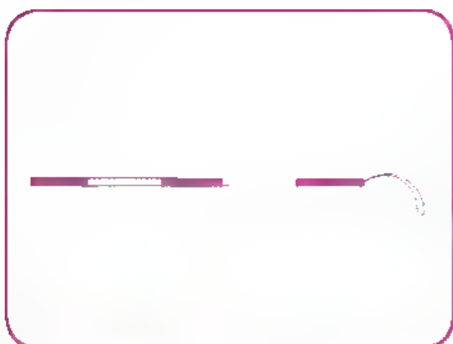
b. Những phương tiện cứu hộ đuối nước.





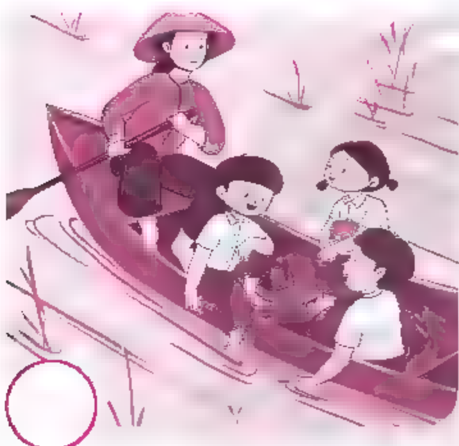


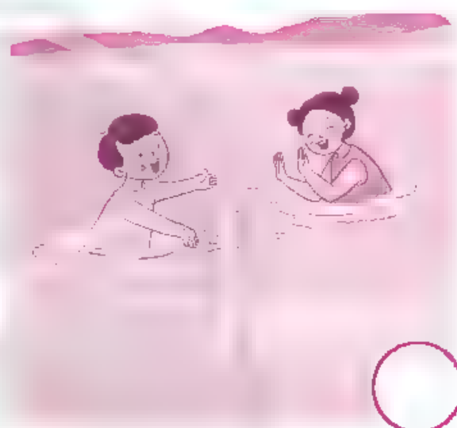


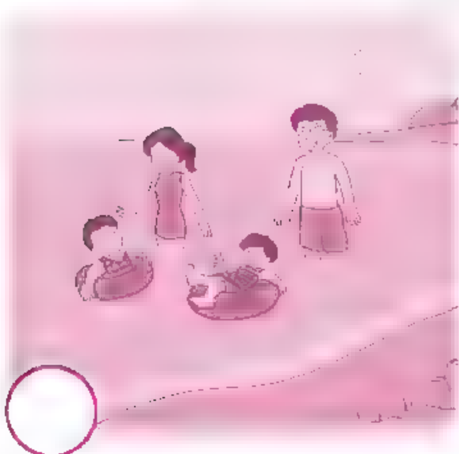


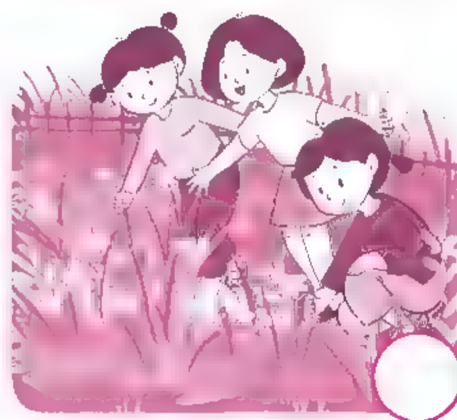


2. Vẽ 😊 vào ô ◯ chỉ việc em đồng tình và 😞 vào ô ◯ chỉ việc em không đồng tình.









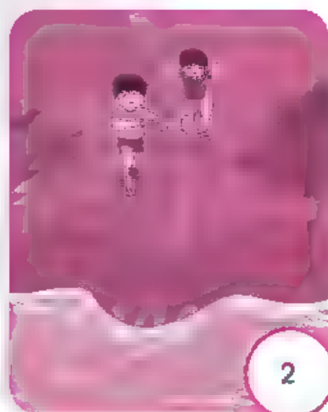
3. Nối tình huống ở cột A với câu trả lời phù hợp ở cột B:

A
Khi đi thuyền trên sông
Khi đi trên các cầu hẹp bắc qua kênh rạch
Khi đi tắm biển
Em được bạn rủ ra sông, suối chơi

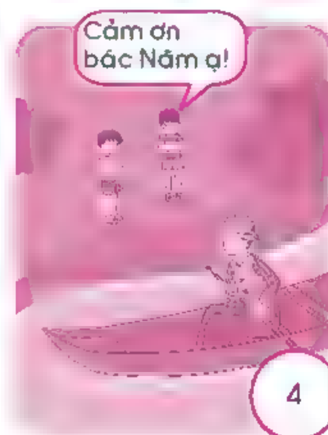
B
Không chạy nhảy, trêu đùa
Từ chối và khuyên bạn không nên đi
Mặc áo phao, không đùa nghịch
Tắm gần bố mẹ, người lớn

4. Kể chuyện theo tranh

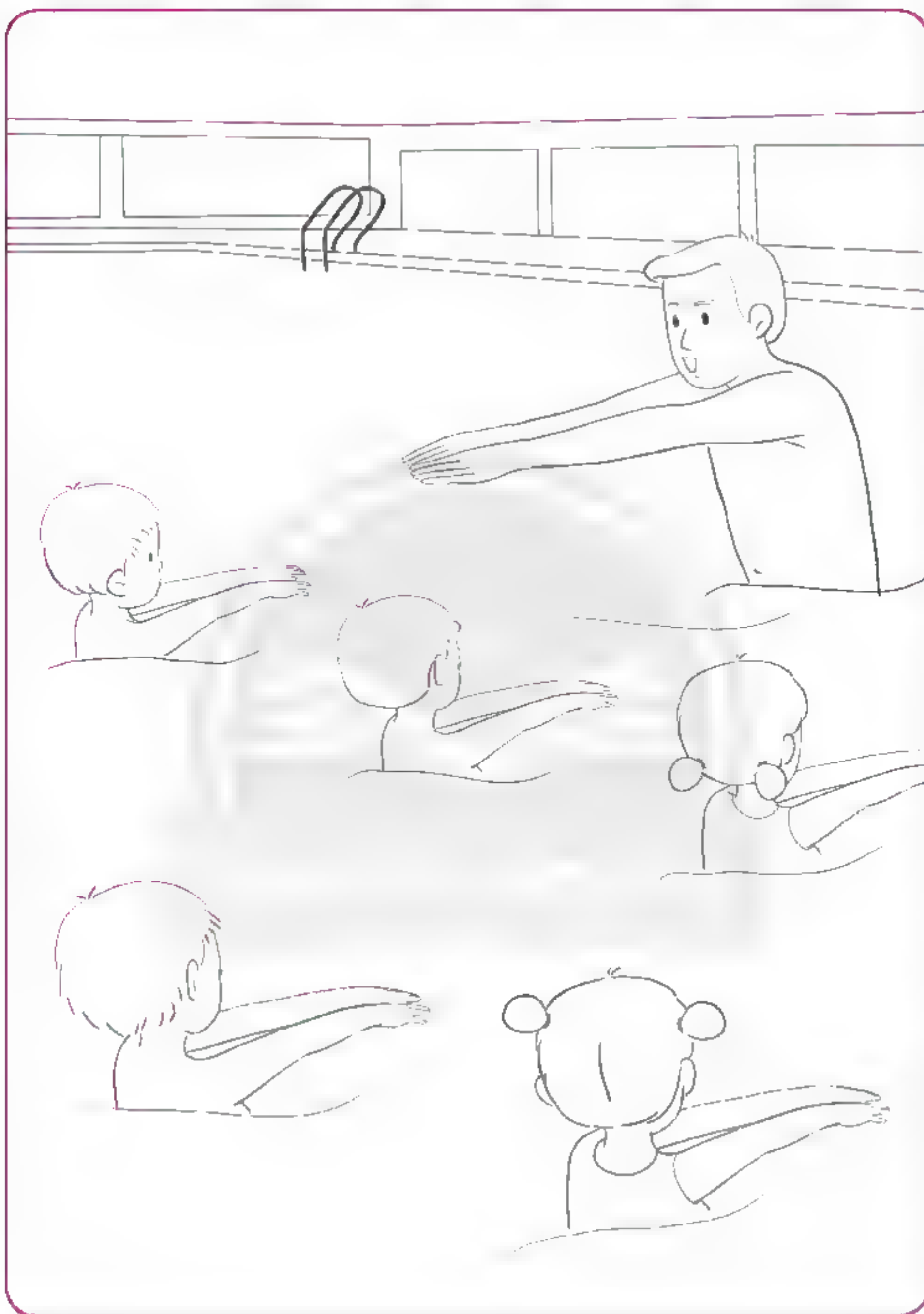








5. Tô màu



Bài 13

Phòng, tránh tai nạn trong sinh hoạt

1. Đánh dấu ✓ vào ý đúng:

Mẹ vừa dừng xe máy ngoài sân, Thuỷ chạy ào đến ôm mẹ. Việc làm của Thuỷ có thể dẫn đến những tai nạn, thương tích nào?

a. Mẹ bị ngã ☐

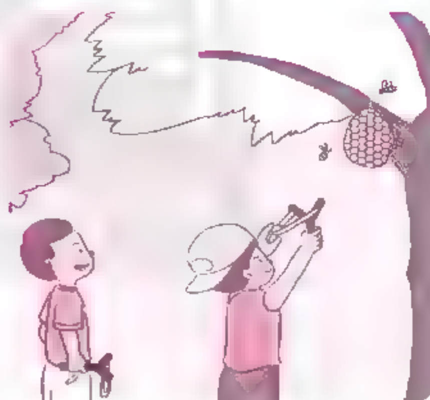
b. Thuỷ bị bỏng ống xả xe máy ☐

c. Không dẫn đến tai nạn, thương tích ☐

d. Hai mẹ con cùng bị ngã ☐

2. Nối việc em đồng tình với 🙂, không đồng tình với 🙁.













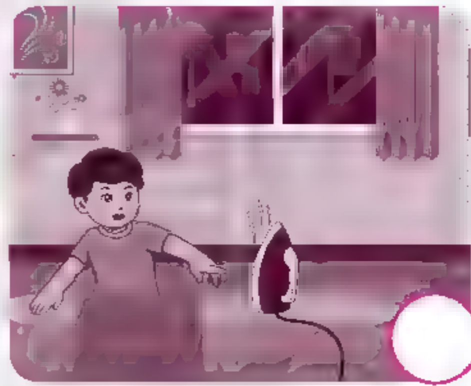




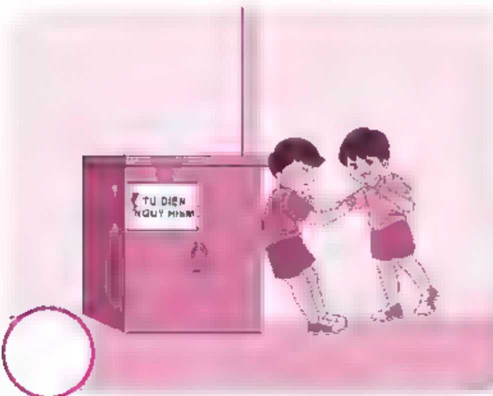
3. Vẽ vào ô chỉ việc làm đúng; vẽ vào ô chỉ việc làm sai.



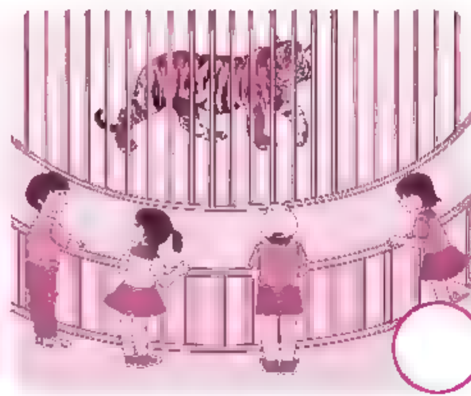














4. Kể chuyện theo tranh





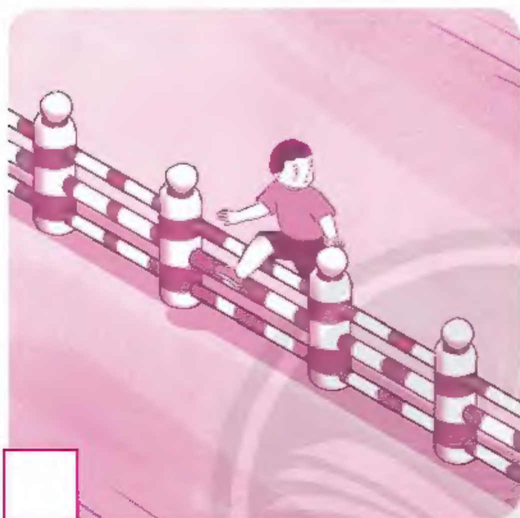
5. Tô màu



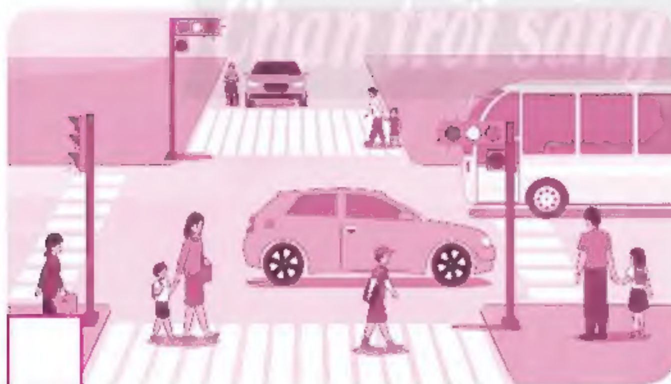
Bài 14

Phòng, tránh tai nạn giao thông

1. Đánh dấu ✓ vào ô ☐ chỉ những hành động nguy hiểm.









2. Vẽ 🙂 vào ô ◯ để chọn việc nên làm.









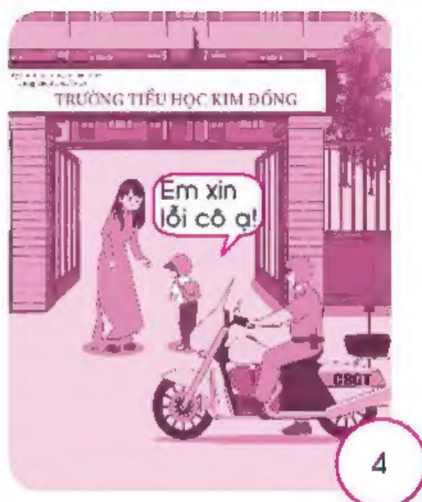
Chân trời sáng tạo

3. Kể chuyện theo tranh






3



4

4. Tô màu

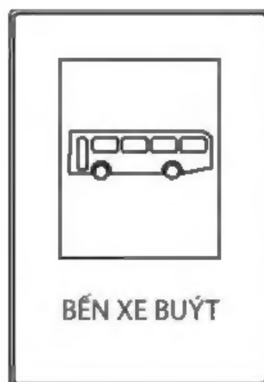

GIAO NHAU CÓ TÍN HIỆU ĐÈN



DỪNG LẠI


CẤM NGƯỜI ĐI BỘ


CẤM XE ÔTÔ VÀ XE MÁY


BẾN XE BUÝT


ĐƯỜNG DÀNH CHO NGƯỜI ĐI BỘ

Chân trời sáng tạo